

Bản án số: 60/2020/HS-PT.
Ngày: 11-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáu-Kiểm sát viên.

Trong ngày 11-8-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 40/2020/TLPT-HS ngày 13-7-2020 đối với bị cáo LMN do có kháng cáo của bị cáo LMN đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: LMN; Sinh ngày: 01-01-1985; Nơi cư trú: Ấp TC1, xã MT, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lý C và bà Quách Thị C; có vợ là bà Lâm Thị H, sinh năm 1988 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-3-2020 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân T-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại DTC; Nguyên đơn dân sự TDQ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 10 giờ ngày 25-12-2019, LMN điều khiển xe mô tô 83P1-xxx.xx đến ăn cơm tại Quán cơm của bà DTC ở Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, bà TDQ cùng một số người bạn đến Quán cơm của bà DTC để mua cơm mang về. Trong lúc chờ bà DTC làm cơm, bà TDQ đi lại cái văng trong quán ngồi chờ và làm rơi một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu đen có gắn ốp lưng màu xanh ở mặt sau điện thoại trên văng. Khi bà DTC làm cơm xong, bà TDQ và một số người bạn lấy cơm rồi đi về, còn bà DTC đi lại cái văng ngồi thì phát hiện điện thoại của bà TDQ đánh rơi nên bà DTC lượm điện thoại cất giữ vào trong tủ bán cơm. Lúc này, LMN ngồi ăn cơm ở gần đó nhìn thấy bà DTC lượm được điện thoại và LMN biết điện thoại trên không phải của bà DTC nên LMN nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại. Sau đó, LMN đi lại nói dối với bà DTC là cái điện thoại mà bà DTC lượm được là của LMN làm rơi và yêu cầu bà DTC đưa điện thoại lại cho LMN, thì bà DTC lấy điện thoại đưa cho LMN. Sau đó, LMN điều khiển xe đi đến nhà của chị ruột ở số 245 ấp T A, xã MT, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cất giấu điện thoại đã chiếm đoạt được. Đến chiều cùng ngày, LMN đi đến thành phố S thì biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên LMN đến cơ quan Công an trình báo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04B/KL.ĐGTS ngày 08-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S kết luận: 01 (Một) điện thoại di động nhãn Iphone XR màu đen đã qua sử dụng, có giá trị là 15.192.000 đồng; 01 (Một) ốp lưng màu xanh đã qua sử dụng có giá trị là 168.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị là 15.360.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo LMN phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo LMN 06 (Sáu) tháng tù, thời gian thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Đến ngày 04-6-2020, bị cáo LMN kháng cáo xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo LMN giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LMN, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo LMN trình bày: Bị cáo LMN có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hiện nay, bị cáo LMN có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, có hai con còn nhỏ, mẹ già đã trên 60 tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo LMN, cho bị cáo LMN hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo LMN lập và nộp cho Tòa án nhân dân thành phố S vào ngày 04-6-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo LMN, về việc xin được hưởng án treo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo LMN như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo LMN khai nhận vào lúc khoảng 10 giờ ngày 25-12-2019, trong lúc ăn cơm tại Quán cơm ở Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, LMN nhìn thấy chủ quán cơm là bà DTC lượm được điện thoại hiệu Iphone XR có ốp lưng màu xanh và LMN biết điện thoại đó không phải của bà DTC mà là của bà TDQ làm rơi nên LMN nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại. Nên LMN đến nói dối với bà DTC là điện thoại mà bà DTC lượm được là của LMN làm rơi và yêu cầu bà DTC đưa điện thoại lại cho LMN, thì bà DTC tin lời nói của LMN là thật nên lấy điện thoại đưa cho LMN. Sau khi lấy được điện thoại, LMN đem điện thoại đi cất giấu ở nhà chị ruột. Đến chiều cùng ngày, LMN đi đến thành phố S thì biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên LMN đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Theo kết luận giám định, 01 điện thoại di động nhãn Iphone XR màu đen đã qua sử dụng và 01 ốp lưng màu xanh đã qua sử dụng, có giá tổng giá trị là 15.360.000 đồng. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo LMN phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị cáo LMN, về việc xin được hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo LMN không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú; bị cáo là người dân tộc Khmer, nhận thức pháp luật còn hạn chế theo quy định tại điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo LMN 06 tháng tù là phù hợp với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Xét bị cáo LMN bị xử phạt tù không quá 03 năm; bị cáo có nhân thân tốt; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng, là có đủ một số điều kiện để xem xét, có thể cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, tình hình tội phạm chiếm đoạt tài sản và nhất là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hiện nay diễn biến phức tạp, cần xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội, để có tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Cho nên, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo LMN thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LMN, về việc xin được hưởng án treo.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo LMN 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo LMN được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thành phố S (02);
- VKSND thành phố S (01);
- CQĐT - Công an thành phố S (01);
- CQTHAHS-Công an thành phố S (01);
- Chi cục THADS thành phố S (01);
- Bị cáo, bị hại (04).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thanh Vũ